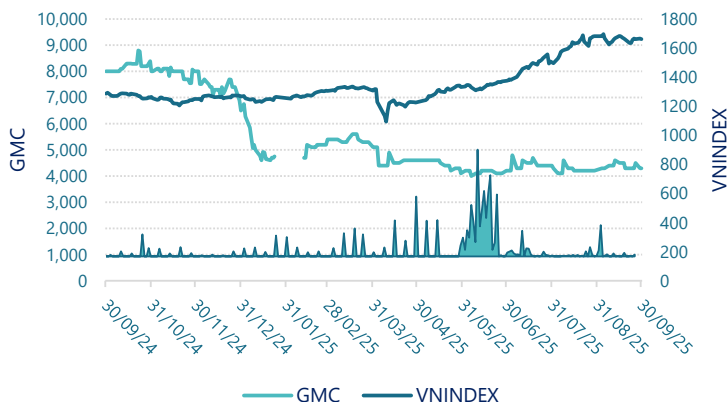




CTCP Garmex Sài Gòn (UPCOM: GMC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)

4,300

Cao nhất 52 tuần (VNĐ)

Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)

SL cổ phiếu LH

32,950,999

KLGD BQ 20 phiên (CP)

2,650

% sở hữu nước ngoài

4.7%

Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)

Vốn hóa (tỷ VNĐ)

142

P/E

-4.6

EPS

-942

DT thuần

Q3/25

0.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.10 | -17.8%

YoY: ▲0.33 | 277%

LN sau thuế

Q3/25

-6.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▲0.12 | 1.7%

YoY: ▲2.23 | 25.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-1434%

+/- YoY: ▲6060%

DT thuần

9T 2025

1.35

tỷ VNĐ

YoY: ▲0.88 | 185%

LN sau thuế

9T 2025

-20.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.8 | -161%

ROE

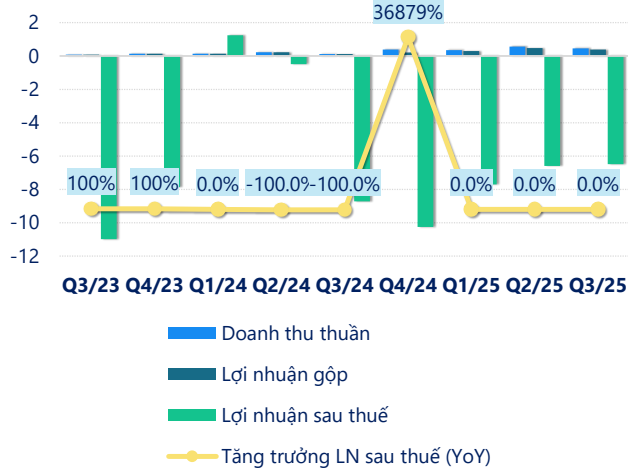
Q3/25

-8.5%

+/- YoY: ▼4.5%

tỷ VNĐ

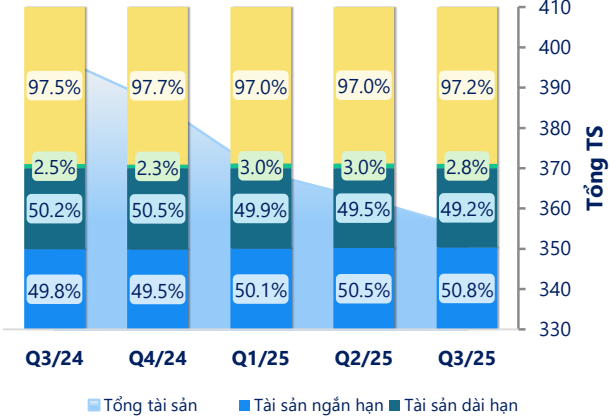
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

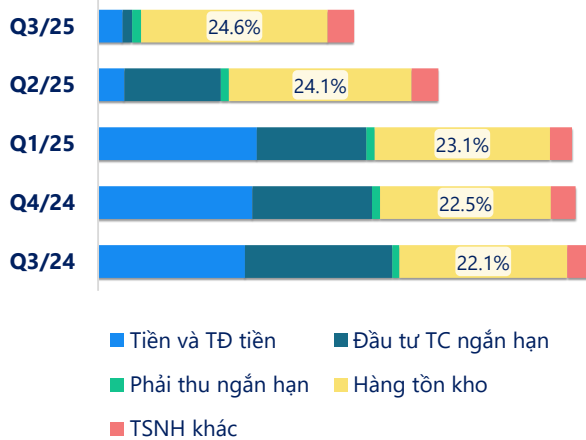
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



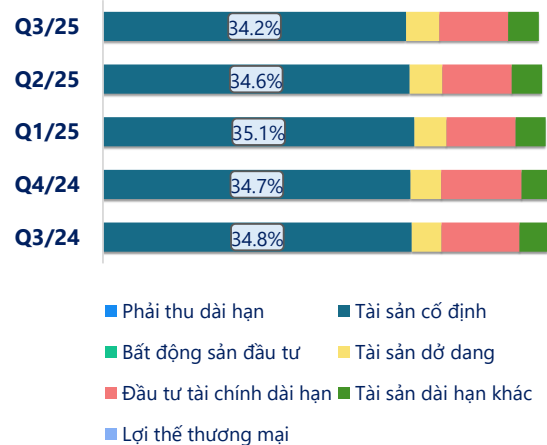
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

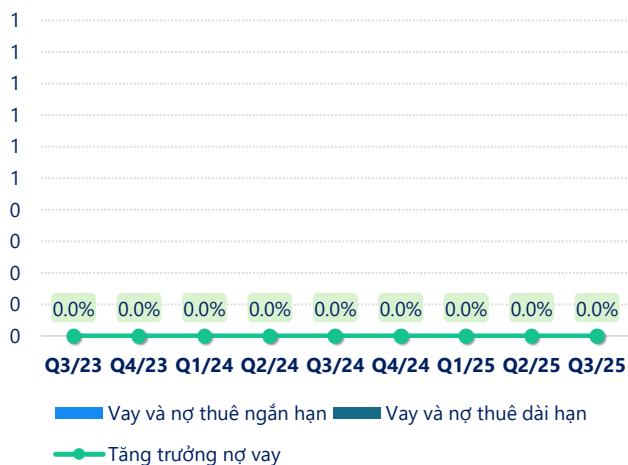
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

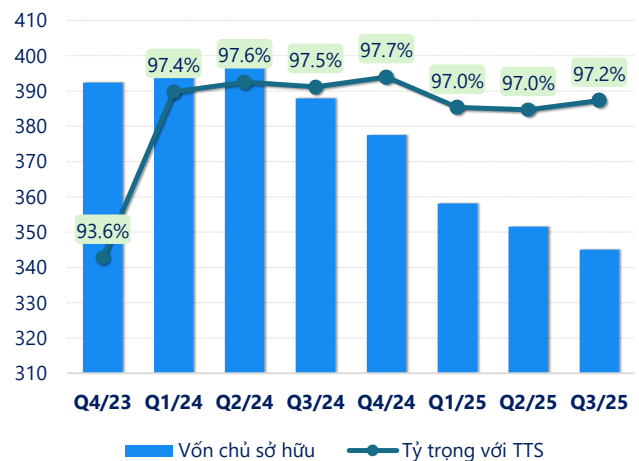
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

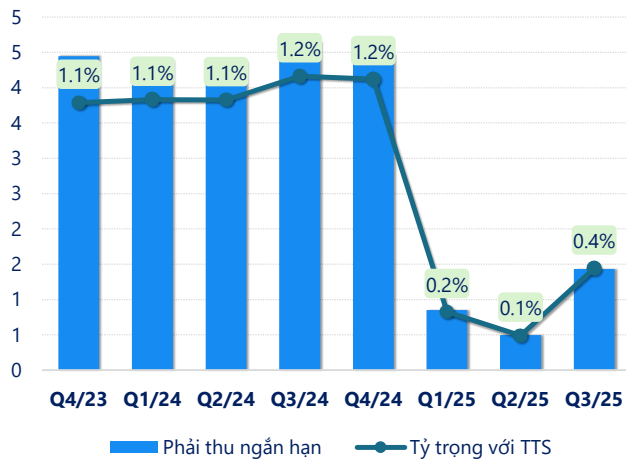
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



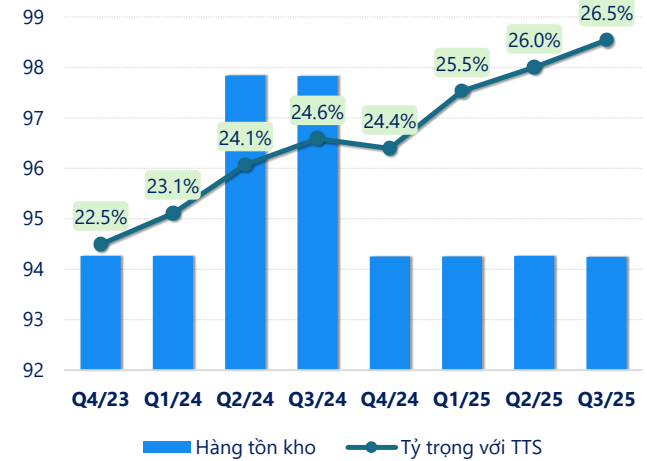
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


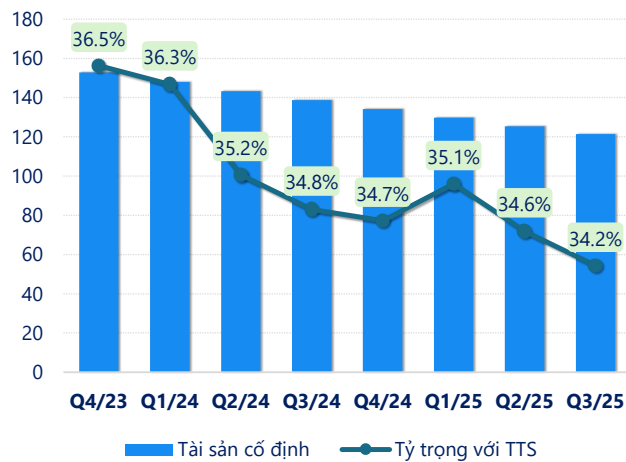
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


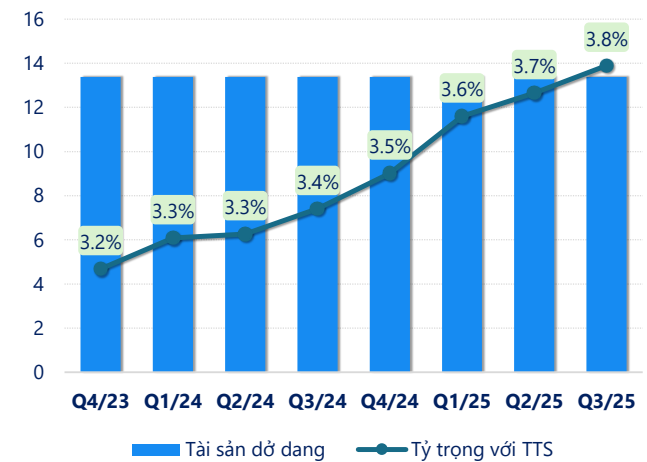
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

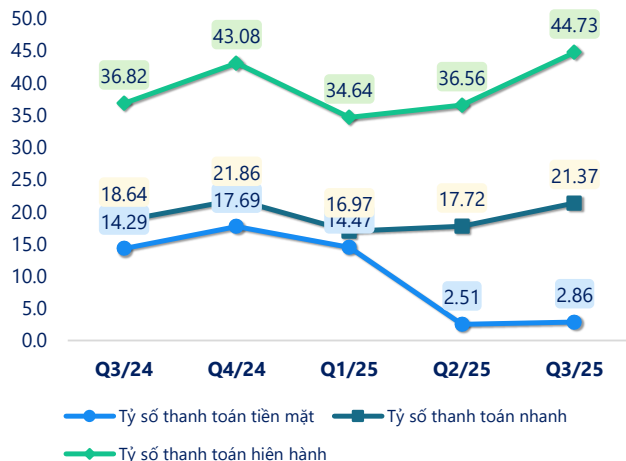
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

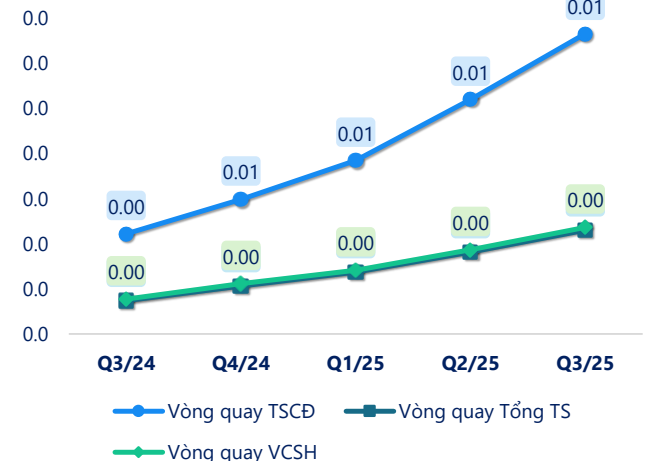
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	398	386	369	363	355
Tài sản ngắn hạn	198	191	185	183	180
Tiền và tương đương tiền	76.9	78.5	77.2	12.6	11.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.94	0.68	0	62.5	60.3
Phải thu ngắn hạn	4.64	4.46	0.85	0.50	1.43
Hàng tồn kho	97.8	94.2	94.3	94.3	94.2
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	13.4	12.5	13.1	12.9
Tài sản dài hạn	200	195	184	180	175
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	139	134	130	125	121
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.4	13.4	13.4	13.4	13.4
Đầu tư tài chính dài hạn	35.0	34.9	28.8	28.4	27.5
Tài sản dài hạn khác	12.8	12.6	12.5	12.4	12.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	9.97	8.82	11.0	11.0	10.00
Nợ ngắn hạn	5.38	4.44	5.33	5.00	4.03
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.48	0.51	0.47	1.39	0.49
Nợ dài hạn	4.59	4.38	5.65	5.96	5.96
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	388	378	358	352	345
Vốn chủ sở hữu	388	378	358	352	345
Vốn điều lệ	330	330	330	330	330
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)